TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/DS-ST
Ngày: 15-9-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Mý

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15-9-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-DS ngày 22-7-2021, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần H; địa chỉ trụ sở chính: Số H, phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thủy Tiên, là Chuyên viên Quan hệ khách hàng của Ngân hàng Thương mại cổ phần H – Chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Số H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần H (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh Gia Lai có cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V vay tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0895/17/MN/HĐTDHM-CN/170 ngày 17-10-2017 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0895/17/HĐTDHM-CN/170/KUNN03 ngày 22-10-2019 như sau: Số tiền vay là 130.000.000 đồng; mục đích vay là bổ sung vốn chăn nuôi; thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 23-10-2019 đến ngày 22-10-2020; lãi suất vay trong hạn là 12,5%/năm, được cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó được thay đổi 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ lãi 06 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của

hợp đồng tín dụng nêu trên thì giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0895/17/HĐBĐ-170 ngày 17-10-2017, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 27 tại làng K, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 765205 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22-6-2011 cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị L, đã cập nhật chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V không thực hiện việc trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận nên đến ngày 22-10-2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc sang nợ quá hạn. Do cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 15-9-2021 là 168.932.367 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.294.518 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.637.849 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V không trả hết số tiền còn nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của họ.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0895/17/MN/HĐTDHM-CN/170 ngày 17-10-2017 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0895/17/HĐTDHM-CN/170/KUNN03 ngày 22-10-2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0895/17/HĐBĐ-170 ngày 17-10-2017 ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 765205 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22-6-2011; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18-10-2017; Hộ khẩu Nguyễn Thị V; Chứng minh nhân dân ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V; Giấy chứng nhận kế hôn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 06-4-2020; Chứng minh nhân dân Huỳnh Thị Bảo Hân, Hoàng Anh Vũ; Quyết định số 1482 ngày 08-7-2020; Quyết định số 59A ngày 26-4-2018; Giấy ủy quyền số 632A ngày 20-10-2020; Giấy ủy quyền số 25/2021/UQ-HDBANK-GĐ-TTXLN ngày 21-01-2021; Phiếu chiết tính thu nợ vay ngày 15-10-2021; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15-4-2021.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0895/17/MN/HĐTDHM-CN/170 ngày 17-10-2017 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0895/17/HĐTDHM-CN/170/KUNN03 ngày 22-10-2019 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần H, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 15-9-2021 là 168.932.367 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.294.518 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.637.849 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0895/17/HĐBĐ-170 ngày 17-10-2017, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 27 tại làng K, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 765205 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22-6-2011 cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị L, đã cập nhật chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V. Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 15-4-2021 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương

mại cổ phần H toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 -12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần H.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0895/17/MN/HĐTDHM-CN/170 ngày 17-10-2017 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0895/17/HĐTDHM-CN/170/KUNN03 ngày 22-10-2019 tính đến ngày 15-9-2021 là 168.932.367 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm ba mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 16.294.518 đồng (mười sáu triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm mười tám đồng), nợ lãi quá hạn là 22.637.849 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H thì Ngân hàng Thương mại cổ phần H có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0895/17/HĐBĐ-170 ngày 17-10-2017, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 27 tại làng K, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 765205 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22-6-2011 cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị L, đã cập nhật chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

6. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.414.726 đồng (tám triệu bốn trăm mười bốn nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.462.275 đồng (ba triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0011759 ngày 01-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính